



THÍCH THIÊN HOA

Duy Thức Nhập Môn



PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ XUẤT-BẢN

PHẬT LỊCH 2528

1984

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo-lý của Phật có đến tám vạn bốn ngàn (84.000) pháp-môn, chia ra làm mười tôn, chung quy chỉ có hai loại: Pháp-tánh và Pháp-tướng. Duy-thức tôn thuộc về Pháp-tướng. Nghiên-cứu, phân-tích, tìm hiểu Duy-thức tôn gọi là Duy-thức học. Môn học này là một môn triết-học rất cao-siêu và rộng-rãi, nên từ xưa đến nay không biết bao nhiêu học-giả đã phải bóp trán nặn đầu vì nó.

Cái khó-khăn trong việc nghiên-cứu Duy-thức có nhiều nguyên-nhân:

- 1.- Rất nhiều danh-từ chuyên-môn mới lạ mà học-giả chưa quen nghe;*
- 2.- Phân-tích các hành-tướng về tâm-lý cũng như vật-chất rất nhiều, và quá tỉ-mỉ, làm cho học-giả khó nhớ;*
- 3.- Sách vở Duy-thức quá nhiều, học-giả không biết nên xem quyển nào trước, quyển nào sau;*
- 4.- Những sách ấy phần nhiều là sách chữ Hán, văn lại quá cổ nên người nay khó học;*

5.- Phải có tu quán mới hiểu rõ được Duy-thức.
Vì những nguyên-nhân trên, học-giả phần
đông đành bỏ lỡ một môn triết-học thâm-thúy,
cao-siêu là Duy-thức-học!

Muốn nghiên-cứu môn học này một cách có hiệu-
quả, cần phải có phương-pháp và người hướng-
dẫn.

Chúng tôi còn nhớ, khi đang tông học tại Phật-
học-đường Lương-Xuyên (Vĩnh-bình), một hôm Sư-cụ
Tuyên-Linh (Lê-khánh-Hòa) Giám-đốc Phật-học-đường
Lương-Xuyên đưa cho chúng tôi quyển «Đại-thừa bá
pháp minh môn luận» và dạy rằng:

— «Duy-thức là một môn học khó vô cùng.
Văn chương đã khó danh-từ lại nhiều, và hành-tướng
Tâm-vương, Tâm-sở cũng rất phiền-phức. Tôi đã ba
năm nghiên-cứu bộ Thành Duy-thức luận, mà như người
đi vào rừng rậm, không tìm được lối ra. Đến năm Đinh-
mão nhờ ban tổ-chức trường-hương chùa Long-Khánh
& Qui-nhơn mời tôi làm Pháp-sư. Tôi được may-mắn
gặp Hòa-thượng Thập-Tháp. Tôi thuật lại sự khó khăn
trong việc nghiên-cứu Thành Duy-thức của tôi. Hòa-
thượng Thập-Tháp nghe xong, đem biểu tôi quyển «Đại-
thừa bá pháp minh môn luận chước ngôn» và nói:
«Tôi biểu Ngài một cái chìa khóa để mở kho Duy-thức.
Người nghiên-cứu Duy-thức mà trước không đọc Luận
này, thì cũng như người gỡ núi tơ rối mà không tìm

được mối. Vậy Ngài nên đọc quyển Luận này cho kỹ
rồi nghiên-cứu Thành Duy-thức, Ngài sẽ thấy dễ-dàng...»

Quả thật như thế. Sau khi tôi trở về Nam, chuyên
chú đọc quyển «Đại-thừa bá pháp minh môn luận»
trong ba tháng, tôi trở lại nghiên-cứu Thành Duy-thức,
thấy không còn khó-khẩn như trước nữa. Bởi thế,
quyển «Bá pháp» này đối với tôi quý báu vô cùng:
Ngoài cái kỷ-niệm vô giá của Hòa-thượng Thập-Tháp,
nó còn là một cái chìa khóa cho tôi mở cửa vào nhà
Duy-thức.

Hôm nay, tôi trao lại cho các ông quyển Luận
này, đề các ông khởi công trong việc nghiên-cứu
Duy-thức».

Mặc dù Sư-cụ Thập-Tháp và Sư-cụ Tuyên-Linh
đã về cõi Phật gần hai chục năm rồi, song những kỷ-
niệm cao-quý của hai Sư-cụ, mà chúng tôi được vinh-
hạnh theo hầu trong mấy năm, vẫn còn ghi đậm nét
trong tâm-hồn chúng tôi, và những lời vàng ngọc trên
vẫn còn văng-vẳng bên tai chúng tôi.

Ngày nay, đề nhắc-nhở công-đức lớn-lao của hai
Sư-cụ, những vị đã lập công đầu tiên trong phong-trào
chấn-hưng Phật-giáo Việt-nam, và cũng đề cho học-giới
nước nhà nghiên-cứu được dễ-dàng môn học Duy-thức,
chúng tôi đánh bạo, cố-gắng phiên-dịch và giải-thích
quyển «Đại-thừa bá pháp minh môn luận» này và
đổi danh-đề là «Duy-thức nhập môn» cho dễ hiểu.
Quyển Duy-thức nhập môn này, như danh-đề của nó

IV

đã nêu lên, sẽ hướng dẫn quý-vị độc-giả đi vào đúng cửa của tòa nhà Duy-thức. Quý độc-giả hãy đọc và nhớ kỹ quyển sách này. Vì quyển sách này chỉ nói và giải-thích về các danh-từ chuyên-môn của Duy-thức. Cũng như người học thuốc, trước phải học các tên thuốc và tánh dược; rồi tiếp-tục đọc những quyển Duy-thức học tập I, II, III v.v... (mà Hương-Đạo đã xuất-bản), thì quý vị sẽ thấy mình đang bước dần một cách dễ dàng và thú-vị lên tòa lâu đài rực-rỡ và đồ-sộ của Duy-thức.

Mong quý vị sẽ chóng đạt được mục-đích.

Biên tại Phật-Học-Đường Nam-Việt
Mạnh-Đông năm Mậu-Tuất (1958)
Sa-môn THÍCH THIÊN-HOÀ

BÀI THỨ NHỨT

LUẬN ĐẠI-THỪA TRĂM PHÁP

(Trích-yếu — Bài này nên học thuộc lòng)

PHẦN THỨ NHỨT

CHÁNH VĂN

Hỏi : — Như lời Phật dạy : « tất cả các pháp đều vô ngã ». Vậy cái gì là « tất cả pháp » và sao gọi là « vô ngã » ?

Đáp : — Tất cả pháp tuy nhiều, nhưng tóm lại có 100 pháp, chia làm 5 loại :

I.- Tâm pháp (có 8 món)

II.- Tâm sở-hữu pháp (có 51 món)

III.- Sắc pháp (có 11 món)

IV.- Tâm bất tương ưng hành pháp
(có 24 món)

V.- Vô-vi pháp (có 6 món).

LƯỢC GIẢI

I.- TÂM-PHÁP HOẶC GỌI LÀ TÂM-VƯƠNG CÓ 8 MÓN :

- 1.- Nhân-thức (cái biết của mắt)
- 2.- Nhĩ-thức (cái biết của tai)
- 3.- Tỷ-thức (cái biết của mũi)
- 4.- Thiệt-thức (cái biết của lưỡi)
- 5.- Thân-thức (cái biết của thân)
- 6.- Ý-thức (cái biết của ý)
- 7.- Mạt-na-thức (thức thứ 7)
- 8.- A-lại-da-thức (thức thứ 8).

II.- TÂM-SỞ-HỮU PHÁP, GỌI TẮT LÀ TÂM-SỞ, CÓ 51 MÓN, PHÂN LÀM 6 LOẠI :

- 1.- **Biến-hành**, có năm : Xúc, Tác-ý, Thọ, Tưởng, Tư.
- 2.- **Biệt-cảnh**, có năm : Dục, Thắng-giải, Niệm, Định, Huệ.
- 3.- **Thiện**, có mười một : Tín, Tàm, Quý, Vô-tham, Vô-sân, Vô-si, Tinh-tần, Khinh-an, Bất-phóng-dật, Hành-xả, Bất-hại.
- 4.- **Căn-bản phiền-não**, có sáu : Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác-kiên.

Ác-kiên lại chia làm năm : Thân-kiên, Biên-kiên, Tà-kiên, Kiên-thủ, Giới-cảm-thủ.

5.- **Tùy-phiền-não**, có 20 món, chia làm ba loại :

- a) **Tiểu-tùy**, có 10 : Phẫn, Hận, Phú, Não, Tật, Xan, Cuồng, Siểm, Hại, Kiêu.
- b) **Trung-tùy**, có 2 : Vô-tàm, Vô-quí.
- c) **Đại-tùy**, có 8 : Trạo-cử, Hôn-trảm, Bất-tín, Giải-đãi, Phóng-dật, Thất-niệm, Tán-loạn, Bất-chánh-tri.

6.- **Bất-dịnh**, có 4 món là : Hối, Miên, Tầm, Tư.

III.- SẮC-PHÁP, CÓ 11 MÓN :

Năm căn : Nhân-căn, Nhi-căn, Tỷ-căn, Thiệt-căn và Thân-căn.

Sáu trần : Sắc-trần, Thinh-trần, Hương-trần, Vị-trần, Xúc-trần và Pháp-trần.

**IV.- TÂM BẤT-TƯƠNG-ƯNG-HÀNH PHÁP,
GỌI TẮT LÀ « BẤT-TƯƠNG-ƯNG-HÀNH »,
CÓ 24 MÓN :**

Đắc, Mạng-căn, Chúng-đồng-phận, Di-sanh-tánh, Vô-tương-định, Diệt-tận-định, Vô-tương-báo, Danh-thân, Cú-thân, Văn-thân, Sanh, Trụ, Lão, Vô-thường, Lưu-chuyển, Định-dị, Tương-ưng, Thê-tộc, Thứ-đệ, Thời, Phương, Sở, Hòa-hiệp-tánh, Bất-hòa-hiệp-tánh.

V.- VÔ-VI PHÁP, CÓ 6 MÓN :

Hư-không vô-vi, Trạch-diệt vô-vi, Phi-trạch-diệt vô-vi, Bất-động-diệt vô-vi, Tướng-thọ-diệt vô-vi, Chơn-như vô-vi.

NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN

Nhứt thể tối thắng cố
Dữ thủ tương-ưng cố
Nhị sở hiện ảnh cố
Tam vị sai-biệt cố
Tứ sở hiện thị cố
Như thị thứ đệ.

DỊCH NGHĨA

Thứ lớp như vậy: Tâm-vương hơn tất cả. Tâm-vương cùng Tâm-sở hiệp nhau. Do hai món: Tâm-vương và Tâm-sở, mà hiện ra ảnh-tượng là « sắc-pháp ». Do ba món: Tâm-vương, Tâm-sở và Sắc-pháp, mà thành ra 24 món sai khác là « Bất-tương-ưng-hành ». Do bốn món: Tâm-vương, Tâm-sở, Sắc-pháp và Bất-tương-ưng-hành, đều thuộc về pháp Hữu-vi, nên hiện ra 6 pháp Vô-vi.

LƯỢC GIẢI

Tóm lại, ngoại-nhơn hỏi: — « Cái gì là tất cả pháp » ? Đại-ý; Luận-chủ trả lời: Các pháp tuy nhiều, nhưng ước-lược chỉ có một trăm pháp, phân làm 5 loại: 1.- Tâm vương có 8, 2.- Tâm-sở có 5, 3.- Sắc-pháp có 11, 4.- Bất-tương-ưng-hành có 24, 5.- Vô-vi pháp có 6.- Trong 5 loại, lại chia làm 2: Bốn loại trên thuộc về pháp Hữu-vi, loại thứ 5 thuộc về pháp Vô-vi.

Trên nguyên-văn nói « tất cả pháp » tức là pháp Hữu-vi và Vô-vi vậy. Từ trước

đền đây Luận-chủ đã trả lời xong câu hỏi thứ nhất: «Cái gì là tất cả pháp».

Vì muốn cho học-giả dễ nhớ, nên Cộ-nhơn có làm bài kệ bốn câu, tóm lại 100 pháp như vậy:

**Sắc-pháp thập nhứt, tâm-pháp bát
Ngũ thập nhứt cá tâm-sở pháp
Nhị thập tứ chủng bất-tương-ưng
Lục cá Vô-vi thành bá pháp.**

DỊCH NGHĨA

Sắc-pháp mười một, Tâm-pháp tám,
Năm mươi một món Tâm-sở pháp,
Hai mươi bốn món Bất-tương-ưng,
Sáu món Vô-vi thành trăm pháp.

PHẦN THỨ HAI

Luận-chủ trả lời câu hỏi thứ hai: «Sao gọi là vô ngã?».

CHÁNH VĂN

— Nói «vô ngã», lược có hai món:
1.- Nhơn vô ngã, 2.- Pháp vô ngã.

LƯỢC GIẢI

Chúng-sinh chấp thân, tâm này thật là mình (ta), như thề là «Nhơn - ngã»; chấp núi, sông, đất, nước v.v... tất cả sự-vật bên ngoài là thật có, như thề là «Pháp-ngã».

Vì «Nhơn» không thật có và «Pháp» cũng không thật có, nên Phật gọi rằng: «Tất cả Pháp vô ngã»; tức là «Nhơn không thật» và «Pháp không thật» vậy.

Như thề là Luận-chủ đã trả lời xong câu hỏi thứ hai: «Thề nào là vô ngã».

BÀI THỨ HAI

LUẬN ĐẠI-THỪA TRĂM PHÁP

- Ngài THIÊN-THẦN Bồ-tát tạo luận
- Ngài HUYỀN-TRANG Pháp-sư dịch chữ Phạn ra chữ Hán
- Sa-môn THÍCH THIỆN-HOÀ dịch lại chữ Việt và lược giải

NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN

Như Thế-Tôn ngôn :

« Nhứt thế pháp vô ngã. »

Hà đẳng nhứt thế pháp ?

Vân hà vi vô ngã ?

DỊCH NGHĨA

Như lời đức Thế-Tôn nói :

« Tất cả pháp không thật ».

Vậy, cái gì là « tất cả pháp » ?

Và sao gọi là « không thật » ?

LƯỢC GIẢI

Chữ « PHÁP » tức là tất cả sự vật từ
tinh-thần lẫn vật-chất, nào Thánh Phạm

chơn vọng, hữu-tình vô-tình, hữu-hình vô-hình, hữu-vi vô-vi v.v... đều gọi là « Pháp ».

Dịch đúng theo văn Tàu : «Phàm cái gì, tự nó có thể giữ được hình-dáng hay khuôn-khổ của nó, làm cho người, khi trông đến nó, biết đó là vật gì, thì gọi là «Pháp» (Nhậm trì tự tánh, quý sanh vật giải).

Chữ «NGÃ» nghĩa là Ta hay Tôi. Phàm nói «Ta» thì phải đủ hai điều-kiện: 1.- Tự tại hay tự-chủ, 2.- Có thể sắp đặt sai khiến mọi việc. Như thế mới được gọi «Ta». Nhưng chữ «vô ngã» ở đây, nên hiểu nghĩa là «không thật» thì rõ hơn.

PHẦN THỨ NHẤT, NÓI 100 PHÁP

NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN

Nhứt thể pháp giả, lược hữu ngũ chủng:

Nhứt giả Tâm pháp,

Nhị giả Tâm-sở-hữu pháp,

Tam giả Sắc pháp,

Tứ giả Tâm-bất-tương-ưng-hành pháp,

Ngũ giả Vô-vi pháp.

DỊCH NGHĨA

Nói tắt cả pháp có năm môn:

1.- Tâm pháp

2.- Tâm-sở-hữu pháp

3.- Sắc pháp

4.- Tâm-bất-tương-ưng-hành pháp

5.- Vô-vi pháp

LƯỢC GIẢI

Chữ «TÂM» có nhiều nghĩa, nhưng tóm lại có 6 nghĩa:

1.- **Tập-khởi**: Chứa nhóm và phát khởi. Nghĩa này thuộc về thức thứ Tám (Tàng-thức). Vì thức này có công-năng «chứa nhóm» chủng-tử của các pháp, rồi «phát-khởi» ra hiện-hành.

2.- **Tích-tập**: Chứa nhóm. Nghĩa này thuộc về Bảy thức trước. Vì 7 thức trước có công-năng «chứa nhóm» các pháp hiện-hành để huân vào Tàng-thức.

Trái lại, Bảy thức trước cũng có nghĩa «**tập-khởi**» (chứa nhóm và phát khởi). vì bảy thức trước có công-năng «chứa nhóm»

các pháp hiện-hành, để huân vào Tàng-thức, « khởi thành » chủng-tử.

Thức thứ Tám cũng có nghĩa « tích-tập » (chứa nhóm), vì thức thứ Tám có công-năng « chứa nhóm » chủng-tử của các pháp vậy.

3.- Duyên-lự : Duyên cảnh, khởi phân-biệt. Tám thức đều tự duyên cái cảnh tương-phần của mình, rồi khởi ra phân-biệt (lự).

4.- Thức : Hiểu biết phân biệt. Cả tám thức đều có công-dụng hiểu biết phân-biệt.

5.- Ý : Sanh-diệt tương-tục không gián-đoạn. Cả tám thức đều niệm niệm sanh-diệt tương-tục không gián-đoạn.

6.- Tâm, Ý và Thức : Vì y theo đặc-tánh của mỗi thức, thì thức thứ Tám về nghĩa « Tích-tập » thù-thắng, nên gọi là « Tâm »; thức thứ Bảy về nghĩa « sanh-diệt tương-tục » thù-thắng, nên gọi là « Ý » và Sáu thức trước về nghĩa « phân-biệt » thù-thắng, nên gọi là « Thức ».

Chữ « TÂM-PHÁP » : Pháp thuộc về Tâm. Vì 8 món Tâm này có công-năng thù-

thắng hơn hết; cũng như ông Vua có oai-quyển thế-lực, thông-trị thiên-hạ, cho nên cũng gọi là « Tâm-vương ».



NGƯỜI HỌC NÊN HỌC THUỘC LÒNG
NHỮNG DANH-TỪ SAU ĐÂY :

- I.- **Ba cảnh :** a) Tánh-cảnh, b) Độc-ảnh cảnh, c) Đới-chất cảnh.
- II.- **Ba lượng :** a) Hiện-lượng, b) Tỷ-lượng, c) Phi-lượng.
- III.- **Ba tánh :** a) Thiên tánh, b) Ác tánh, c) Vô ký tánh.
- IV.- **Ba thọ :** a) Khổ thọ, b) Lạc thọ, c) Xả thọ.
- V.- **Năm thọ :** a) Khổ thọ, b) Lạc thọ, c) Ưu thọ, d) Hỷ thọ, đ) Xả thọ.
- VI.- **Tâm có bốn phần :** a) Tương-phần, b) Kiền-phần, c) Tự-chứng phần, d) Chứng-tự-chứng phần.
- VII.- **51 món Tâm-sở, phân làm 6 vị :**
 - a) Biên-hành, có 5,
 - b) Biệt-cảnh, có 5,
 - c) Thiện, có 11,

- d) Căn-bốn phiền-não, có 6,
- e) Tùy phiền-não, có 20,
- g) Bất-định, có 4.

VIII.- Ba giới và chín địa :

- a) Dục - giới : 1.- Ngũ thú tạp cư địa.
2.- Ly, sanh hỷ lạc địa.
3.- Định, sanh hỷ lạc địa.
- b) Sắc - giới : 4.- Ly hỷ, diệu lạc địa.
5.- Xả niệm thanh-tịnh địa.
6.- Không vô-biên-xứ địa.
7.- Thức vô-biên-xứ địa.
- c) Vô-sắc-giới : 8.- Vô-sở-hữu xứ địa.
9.- Phi-tướng phi-phi-tướng xứ địa.

IX.- Bồ-tát, có hai :

- a) Hiền : - Tư-lương-vị :
1.- Thập-trụ, 2.- Thập-hạnh, 3.- Thập-hồi-hướng.
- Tứ gia-hạnh-vị :
1.- Noãn, 2.- Đảnh, 3.- Nhãn, 4.- Thế đệ-nhút.
- b) Thánh : 1.- Hoan-hỷ địa, 2.- Ly-cầu địa, 3.- Phát-Quang địa, 4.- Diệm-huệ địa, 5.- Nan-thắng địa, 6.- Hiện-tiền địa, 7.- Viễn-hành địa, 8.- Bất-động địa, 9.- Thiện-huệ địa, 10.- Pháp-vân địa.

X.- Tám thức và các duyên :

Nhãn - thức, có 9 duyên : 1.- Hư - không, 2.- Ánh-sáng, 3.- Căn, 4.- Cảnh,

5.- Tác-ý, 6.- Phân-biệt ý, 7.- Nhiễm-tịnh ý, 8.- Căn-bản ý, 9.- Chủng-tử.

Nhĩ - thức, có 8 duyên : Các duyên cũng đồng như Nhãn-thức trên, chỉ trừ « ánh-sáng ».

Ba thức : Tỹ, Thiệt và Thân, chỉ còn 7 duyên : Các duyên đồng như Nhãn-thức trên, chỉ bớt 2 duyên là Hư-không và Ánh-sáng.

Ý-thức, có 5 duyên : 1.- Căn, 2.- Cảnh, 3.- Tác-ý, 4.- Căn-bản ý, 5.- Chủng-tử.

Mạt-na-thức, có 3 duyên : 1.- Căn-cảnh, 2.- Tác-ý, 3.- Chủng-tử.

A-lại-da-thức, có 3 duyên : 1.- Căn (Mạt-na), 2.- Cảnh (thân-căn, khí-giới và chủng-tử), 3.- Tác-ý, 4.- Chủng-tử.

Vì muốn dễ nhớ, nên Cổ-nhơn có bài tụng như sau :

Nhãn-thức cửu duyên sanh
Nhĩ-thức duy từng bát
Tỹ, Thiệt, Thân tam, thất
Hậu tam ; ngũ, tam, tứ.

DỊCH NGHĨA

Nhãn-thức đủ chín duyên

Nhĩ-thức chỉ còn tám

Tỷ, Thiệt, Thân có bảy

Sau ba ; năm, ba, bốn.

LƯỢC GIẢI

Nhãn-thức có đủ 9 duyên; Nhĩ-thức chỉ còn 8 duyên; Tỷ, Thiệt và Thân, ba thức này lại có 7 duyên; còn ba thức sau thì thức thứ 6 có 5 duyên, thức thứ 7 có 3 duyên và thức thứ 8 có 4 duyên. (Thức thứ 7 lấy kiện-phần của A-lại-da-thức làm cảnh; Thức thứ 8 lấy căn-thân, khí-giới và chủng-tử làm cảnh).

BAI THỨ BA

I.- TÂM-VƯƠNG

(CÓ TAM MÓN)

Tám món tâm này rất thù-thắng, tự-tại và tự-chủ; cũng như vị Quốc-vương, nên gọi là Tâm-vương (nhứt thê tối thắng cò).

NĂM THỨC TRƯỚC

(TIỀN NGŨ THỨC)

1.- Nhãn-thức: Cái biết của con mắt. Vì thức này nương nhãn-căn, khởi ra tác-dụng phân-biệt về sắc-trần, nên gọi là «Nhãn-thức».

2.- Nhĩ-thức: Cái biết của lỗ tai. Vì thức này nương nhĩ-căn, khởi ra tác-dụng phân-biệt về thanh-trần, nên gọi là «Nhĩ-thức».

3.- Tỷ-thức: Cái biết của mũi. Vì thức này nương Tỷ-căn khởi ra tác-dụng

phân-biệt về hương-trần, nên gọi là «Tỷ-thức».

4.- Thiệt thức: Cái biết của lưỡi. Vì thức này nương thiệt-căn khởi ra tác-dụng phân-biệt vị-trần, nên gọi là «Thiệt-thức».

5.- Thân thức: Cái biết của thân. Vì thức này nương thân-căn, khởi ra tác-dụng phân-biệt xúc-trần nên gọi là «Thân-thức».

Trong 8 thức Tâm-vương, vì 5 thức này ở bên ngoài và trước, nên cũng gọi là «Tiên ngũ thức» (năm thức trước).

**KHI Ở ĐỊA-VỊ PHẠM-PHỤ,
NĂM THỨC NÀY ĐỐI VỚI:**

- 1.- **Ba cảnh:** Năm thức này chỉ có «Tánh-cảnh».
- 2.- **Ba lượng:** Năm thức này chỉ có «Hiện-lượng».
- 3.- **Ba tánh:** Năm thức này có đủ 3 tánh: Thiện, Ác và Vô-ký.
- 4.- **Năm thọ:** Năm thức này chỉ có 3 thọ: Khó, Lạc và Xả-thọ.

5.- Ba cõi: Ở cõi Dục thì năm thức này đủ cả, đến cõi Sắc chỉ còn 3 thức: Nhãn, Nhĩ và Thân; vì hai thức Tỷ và Thiệt không hiện-hành (Nhãn, Nhĩ, Thân tam Nhị-địa cư).

6.- Chín địa: Năm thức này chỉ ở trong hai địa: 1.- Ngũ-thú-tạp-cư địa, tức là cõi Dục thuộc về Sơ-địa. 2.- Ly, sanh-hỷ-lạc địa, ở cõi Sắc, thuộc Sơ-thiền gọi là Nhị-địa.

Song ở Sơ-địa thì đủ cả 5 thức, còn đến Nhị-địa lại chỉ còn 3 thức là Nhãn, Nhĩ và Thân; vì từ Nhị-địa trở lên người tu thiền-định, nên 2 thức Tỷ và Thiệt tuy có mà chẳng hiện-hành, nên nói «chỉ còn 3 thức».

7.- Năm mươi một Tâm-sở: Năm thức này chỉ tương-ưng 34 Tâm-sở: 5 món Biên-hành, 5 món Biệt-cảnh, 11 món Thiện, 3 món Căn-bản phiền-não, 2 món Trung-tùy và 8 món Đại-tùy.

8.- Chín duyên: Nhãn-thức đủ 9 duyên, Nhĩ-thức chỉ còn 8 duyên (thiếu

Minh), 3 thức Tỹ, Thiệt và Thân chỉ có 7 duyên (thiền Minh và Không).

9.- Thê: Thê của 5 thức này, chỉ có Tự-tánh phân-biệt, không có Tùy-niệm phân-biệt và Kê-đạt phân-biệt.

10.- Tướng: Thức với căn khó phân (ngu giả nan phân thức dữ căn).

11.- Nghiệp-dụng: Duyên trần-cảnh. Song 2 thức: Nhân và Nhĩ phải cách trần-cảnh mới phân-biệt được. Còn 3 thức: Tỹ, Thiệt và Thân phải hiệp với trần-cảnh mới phân-biệt được.

KHI LÊN THÁNH-VỊ, NĂM THỨC NÀY ĐỐI VỚI:

1.- Quán hạnh (tu): Khi lên Thánh-vị, thì 5 thức này chuyển thành «Hậu-đắc-trí», và biên ra cái Tướng-phần của 2 món chơn-như (Sanh-không chơn-như và Pháp-không chơn-như) mà quán (duyên).

2.- Đoạn hoặc và chuyển thành trí: Khi thức thứ Tám đã chuyển thành «Đại-viên-cảnh trí», thì các căn được vô-lậu; lúc

bây giờ 5 thức này cũng được vô-lậu và chuyển làm «Thành-sở-tác trí».

3.- Chứng quả và diệu-dụng: Khi chứng quả-vị Phật thì năm thức này chuyển làm «Thành-sở-tác trí». Lúc bấy giờ nó có công-dụng hóa-hiện ra 3 loại thân để giáo-hóa và diệt trừ các khổ sanh-tử luân-hồi cho chúng-sanh.

BẢ LOẠI THÂN: 1.- Thân Đại-hóa tức là Thăng-ứng thân. Thân này cao 1.000 trượng, để giáo-hóa hàng Đại-thừa Bồ-tát. 2.- Thân Tiểu-hóa tức là Liệt-ứng thân. Thân này cao một trượng sáu thước, để giáo-hóa hàng Tam-hiển Bồ-tát cùng Nhị-thừa và phàm-phu. 3.- Thân Tùy-loại-hóa. Thân này tùy theo loại chúng-sanh mà hóa-hiện.



Vì muốn cho người học dễ nhớ, nên trong Bát-thức Qui-cử, Ngài Huyền-Trang Pháp-sư có làm ba bài tụng tóm-tắt lại 5 thức như sau. Hai bài tụng đầu là nói 5 thức này khi còn ở địa-vị phàm-phu, bài tụng thứ 3 là nói khi lên Thánh-vị.

BÀI TỤNG THỨ NHẤT

Tánh-cảnh, Hiện-lượng, thông tam Tánh
Nhân, Nhĩ, Thân tam Nhị địa cư
Biến-hành, Biệt-cảnh, Thiện thập nhất
Trung nhị, Đại bát, Tham, Sân, Si.

DỊCH NGHĨA

Tánh-cảnh, Hiện-lượng, thông ba Tánh
Nhân, Nhĩ, Thân ba ở Nhị-địa
Biến-hành, Biệt-cảnh, Thiện mười một
Trung hai, Đại tám, Tham, Sân, Si.

LƯỢC GIẢI

Trong 3 Cảnh thì 5 thức này chỉ có
«Tánh-cảnh»; trong 3 Lượng, nó chỉ có
«Hiện-lượng»; còn ba Tánh thì nó đủ cả
Thiện, Ác và Vô-ký.

Ở cõi Dục là Sơ-địa, thì đủ cả 5 thức.
Lên cõi Sắc về Nhị-địa, thì chỉ còn ba thức
là: Nhân, Nhĩ và Thân.

Nói về Tâm-sở, thì 5 thức này tương-
ung với 34 món: 5 món Biến-hành, 5 món
Biệt-cảnh, 11 món Thiện, 2 món Trung-tùy,

8 món Đại-tùy và 3 món Căn-bản phiền-
não là: Tham, Sân, Si.

BÀI TỤNG THỨ HAI

Ngũ thức đồng y Tịnh-sắc căn
Cửu duyên, bát, thất hảo tương lân
Hiệp tam, ly nhị, quán trần-thế
Ngu giả nan phân thức dữ căn.

DỊCH NGHĨA

Năm thức đồng nương Tịnh-sắc căn
Chín, tám, bảy duyên ra gần nhau
Ba hiệp, hai rời, duyên trần-cảnh
Ngu giả khó phân Thức và Căn.

LƯỢC GIẢI

Căn, có hai loại: 1.- Phù-trần căn: Căn
thô-phù bên ngoài. 2.- Tịnh-sắc căn: Căn
thanh-tịnh tinh-tề ở bên trong; cũng gọi là
«Thắng-nghĩa căn», vì căn này rất thù-
thắng.

Năm thức đều nương 5 căn Tịnh-sắc
và nhờ có các duyên mới sanh ra được.
Như Nhân-thức nhờ 9 duyên, Nhĩ-thức chỉ
còn 8 duyên, Tỷ, Thiệt và Thân mỗi thức
chỉ có 7 duyên.

Ba thức: Tỹ, Thiệt và Thân phải hiệp với trần-cảnh mới duyên được cảnh; còn hai thức là Nhãn và Nhĩ phải cách hở trần-cảnh mới duyên được cảnh.

Chúng phạm-phu và hàng Nhị-thừa vì chấp pháp nặng-nề, nên khó phân-biệt cái nào là Thức và cái nào là Căn. Vì thế, mà cả hai đều bị gọi là «Ngu giá».

BÀI TỤNG THỨ BA

**Biến tướng quán không duy Hậu-đắc
Quả trung du tự bất thuyên chơn
Viên-minh sơ phát thành Vô-lậu
Tam loại phân thân tức khổ luân.**

DỊCH NGHĨA

Tri Hậu-đắc biến tướng không, quán
(duyên)

Khi chứng quả còn chẳng nói chơn
Viên-minh vừa phát thành Vô-lậu
Phân thân ba loại, dứt khổ luân.

LƯỢC GIẢI

Năm thức này không có «Căn-bản trí» mà chỉ có «Hậu-đắc trí». Khi duyên chơn-như thì nó chỉ biến lại tướng-phần của hai

món chơn-như (Sanh-không chơn-như và Pháp-không chơn-như) mà duyên, chớ không thể trực-tiếp thân-duyên được; vì nó không có «Căn-bản trí» nên không thể thân-duyên chơn-như.

Khi chứng được Thánh - quả, cũng không thể nói «Năm thức này thân-duyên được chơn-như», huống chi là trong lúc tu nhơn.

Đền khi thức thứ Tám vừa chuyển thành Đại-viên-cảnh trí (viên-minh sơ phát) thì 5 thức này thành vô-lậu. Lúc bấy giờ, 5 thức này có công-dụng hiện ra ba loại thân để hóa-độ và dứt trừ các khổ sanh-tử luân-hồi cho chúng-sanh.

Câu «Biến tướng không quán»: Biến lại tướng chơn - như mà duyên. Chữ «Tướng-không» là tướng Ngã-không và Pháp-không tức là Chơn-như (nhị không Chơn-như). Chữ «Quán» là duyên. Nghĩa là: Trí Hậu-đắc này chỉ biến lại tướng Chơn-như mà duyên.

Chữ «Nói chơn»: Nghĩa là nói thân-duyên Chơn-như.

BÀI THỨ TƯ
Ý - THỨC C
(THỨC THỨ SÁU)

Thức này nương Ý-căn (thức thứ 7) khởi tác-dụng phân-biệt Pháp-trần, nên gọi là «Ý-thức».

Trong tám thức duy có thức thứ Sáu này rất lạnh-lẹ và khôn-ngoa hơn hết, nên trong bài thơ Bát-thức có câu rằng: «Độc hữu nhưt cá tời linh ly» (riêng có một cái thức này rất lạnh-lẹ). Suy-nghi làm việc phải, thức này đứng đầu; còn tính-toán tạo-tác việc ác, thì nó cũng hơn cả. Bởi thế nên trong Duy-thức nói: «Công vi thủ, tội vi khôi». (Nói về «Công» thì thức này hơn hết, còn luận về «Tội» thì nó cũng đứng đầu). Thức này cũng có công-năng chấp Ngã và chấp Pháp.

Một điều mà người học thường thắc-mắc: — Tại sao thức thứ Sáu gọi là «Ý-

thức», mà thức thứ Bảy cũng gọi là «*Y*-thức»? — Trong Đại-thừa bá-pháp minh môn luận chuê ngôn, có giải-thích như vậy: Thức thứ Sáu mà gọi là «*Y*-thức», vì thức này nương «*Y*-căn» mà khởi ra phân-biệt, nên gọi là «*Y*-thức». Nghĩa là thức của *Y*-căn. «Thức» là năng-y, còn «*Y*» là bị-y, hai phần khác nhau. Cũng như nói «*Nhãn*-thức», tức là thức của *Nhãn*-căn. Thê là căn với thức khác nhau.

Còn thức thứ Bảy mà gọi là «*Y*-thức»; chữ «*Y*» là sanh diệt tương-tục không gián-đoạn. Vì thức này sanh diệt tương-tục không gián-đoạn nên gọi là «*Y*-thức». Thê là «Thức» tức là «*Y*» không khác. Cũng như «*Tàng*-thức», chữ «*Tàng*» là chứa đựng. Vì thức này chứa đựng các pháp, nên gọi là «*Tàng*-thức». Thê là «Thức» tức là «*Tàng*» (chứa) không khác.

KHI Ở ĐỊA-VỊ PHẠM-PHỤ.

THỨC NÀY ĐỐI VỚI :

- 1.- **Ba cảnh** : Thức này có đủ ba cảnh :
a) Tánh-cảnh, b) Độc-ảnh-cảnh,
c) Đối-chất-cảnh.

- 2.- **Ba lượng** : Thức này có đủ ba lượng : a) *Hiện*-lượng, b) *Tỷ*-lượng, c) *Phi*-lượng.

- 3.- **Ba tánh** : Thức này có đủ ba tánh : a) *Thiện*-tánh, b) *Ác*-tánh, c) *Vô-ký*-tánh.

- 4.- **Ba cõi** : Thức này có đủ trong ba cõi : a) *Cõi Dục*, b) *Cõi Sắc*, c) *Cõi Vô-sắc*.

- 5.- **Chín địa** : Thức này có đủ trong chín địa.

- 6.- **Tâm-sở** : Thức này có đủ 51 món *Tâm-sở* : 5 món *Biên-hành*, 5 món *Biệt-cảnh*, 11 món *Thiện*, 6 món *Căn-bản* *phiền-não*, 20 món *Tùy-phiền-não*, 4 món *Bất-định*.

- 7.- **Chín duyên** : Trong 9 duyên, thức này chỉ có 5 duyên : a) *Căn* duyên, b) *Cảnh* duyên, c) *Tác-ý* duyên, d) *Căn-bản* duyên, e) *Chủng-tử* duyên.

- 8.- **Thê (tánh)** : Thê của thức này có ba món phân-biệt : a) *Tự-tánh* phân-biệt, b) *Tùy-niệm* phân-biệt, c) *Kê-đạt* phân-biệt.

9.- Tướng : Tướng của thức này là luân-chuyển trong ba cõi (tam giới luân thời dị khả tri).

10.- Nghiệp-dụng : Nghiệp-dụng của thức này làm cho thân và miệng tạo ra dẫn-nghiệp và mãn-nghiệp để cảm-thọ quả-báo trong ba cõi. Và ba Tánh cùng năm Thọ, thức này thường thay đổi luôn.

KHI LÊN THÁNH-VỊ, THỨC NÀY ĐỐI VỚI:

1.- Quán hạnh (tu) : Thức thứ sáu này quán sanh-không, phá trừ ngã-chấp và quán pháp-không, phá trừ pháp-chấp.

2.- Đoạn hoặc và thành trí : Thức này có năm giai-đoạn trừ hoặc và chuyển thành Trí:

a) *Đền vị Tư-lương*, thì thức này mới chinh-phục được hai món hiện-hành của ngã-chấp và pháp-chấp.

b) *Đền vị Kiền-đạo*, thì thức này mới đoạn được hai món chủng-tứ về phần phân biệt của ngã-chấp và pháp-chấp.

c) *Đền vị Tu-tập*, thức này đoạn được hai món hiện-hành và chinh-phục được hai

chủng-tứ cu-sanh của ngã-chấp và pháp-chấp.

d) *Đền vị Viễn-hành* trở lên, thì thức này mới đoạn hết cu-sanh ngã-chấp và hoàn toàn vô-lậu.

e) *Đền vị Đăng-giác*, thức này đoạn hết cu-sanh pháp-chấp, chuyển thành Diệu-quan-sát trí.

3.- Chứng quả và diệu-dụng : Khi chứng quả vị Phật, thì thức này chuyển thành Diệu-quan-sát trí và có công-năng chiếu soi căn-cơ của chủng-sanh trong Đại-thiên thê-giới, rồi tùy cơ thuyết pháp hóa-độ hàm-linh.

Muốn cho người học dễ nhớ, nên trong Bát-thức qui-cử, ngài Huyền-Trang Pháp-sư có làm ba bài tụng như sau. Hai bài tụng đầu, nói thức này khi ở địa-vị Phàm-phu, bài tụng thứ ba, nói thức này khi đặng Thánh quả.

BÀI TỤNG THỜ NHƯT

**Tam Tánh, tam Lượng thông tam Cảnh
Tam giới luân thời dị khả tri**

**Tương-ưng tâm-sở ngũ thập nhứt
Thiện ác lâm thời biệt phối chi.**

DỊCH NGHĨA

Ba Tánh, ba Lượng và ba Cảnh
Luân chuyển ba cõi rất dễ biết
Tâm-sở tương-ưng năm mươi mốt
Thiện ác đến thời riêng phối-hiệp.

LƯỢC GIẢI

Thức thứ Sáu này đủ cả ba Tánh, ba Lượng và ba Cảnh. Nó luân-hối trong ba cõi rất dễ biết. Những Tâm-sở tương-ưng với thức này có 51 món. Khi thức này nghĩ việc lành thì có Thiện-tâm-sở riêng phối-hiệp, còn khi nghĩ việc ác thì có Ác-tâm-sở riêng phối-hiệp.

BÀI TỤNG THỨ HAI

**Tánh, Giới, Thọ tam hàng chuyển dịch
Căn, Tùy, Tín đẳng tông tương liên
Động thân phát ngữ độc vi tối
Dẫn, Mãn năng chiêu nghiệp lực khiên.**

DỊCH NGHĨA

Tánh, Giới, Thọ ba thường biến đổi
Căn, Tùy, Tín chung nhau liên-tiếp

**Thân động, miệng thốt nó hơn hết
Dẫn-nghiệp, Mãn-nghiệp thọ quả báo.**

LƯỢC GIẢI

Thức này đời với 3 tánh, 3 giới và 5 thọ thì nó thường thay đổi; khi thì vui lúc lại buồn v.v... 51 món tâm-sở, như Căn-bốn phiền-não, Tùy-phiền-não và Thiện tâm-sở v.v... cùng nhau liên-tiếp không lúc nào rời thức này. Làm cho thân động và miệng nói, duy có thức này là hơn hết. Nó tạo ra dẫn-nghiệp và mãn-nghiệp để chiêu-cảm quả báo đời sau.

BÀI TỤNG THỨ BA

**Phát khởi sơ-tâm Hoan-hỷ địa
Cu-sanh du tự hiện triền-miên
Viễn-hành địa hậu thuận vô-lậu
Quán-sát viên-minh chiếu đại thiên.**

DỊCH NGHĨA

Khi đặng Sơ-tâm hoan-hỷ địa
Cu-sanh ngã, pháp hiện còn ẩn
Viễn-hành về sau thuận vô-lậu
Quán-sát viên-mãn khắp Đại-thiên.

LƯỢC GIẢI

Hành-giả trong lúc trải qua Thập-thánh thì thức này có 3 thời-kỳ đoạn phiền-não và thuận vô-lậu.

1.- Khi lên Sơ-địa, tức là Hoan-hỷ-địa, thì phân-biệt ngã-chấp và pháp-chấp đều đã đoạn. Nhưng cu-sanh ngã-chấp và pháp-chấp hãy còn hiện-hành và miên-phục trong Tầng-thức, chưa có thể chinh-phục và đoạn-trừ được.

2.- Khi đến Viên-hành-địa (tức là Thất-địa) trở lên thì mới đoạn được chủng-tứ cu-sanh của ngã-chấp và chinh-phục được hiện-hành của pháp-chấp. Lúc bấy giờ thức này mới thuận Vô-lậu.

3.- Khi sắp lên quả Phật thì đoạn được chủng-tứ cu-sanh của pháp-chấp. Lúc bấy giờ thức này chuyển thành Diệu-quan-sát trí, quán-sát chiếu soi cả Đại-thiên thế-giới và tùy theo căn-cơ của mỗi loài mà thuyết-pháp giáo-hóa.



BÀI THỨ NĂM MẠT-NA THỨC (THỨC THỨ BẢY)

Thức này có nhiều tên: 1- Mạt-na (gọi theo nguyên-âm tiếng Phạn). 2- Ý-căn: Thức này là căn của ý-thức (thức thứ Sáu); vì thức thứ Sáu nương thức này phát sanh. 3- Thức thứ bảy: theo thứ đệ thì thức này đứng nhằm thứ Bảy. 4- Truyền-thông thức: vì thức này có công-năng truyền các pháp hiện-hành vào Tầng-thức và tông đưa các pháp chủng-tứ khởi ra hiện-hành. 5- Ý-thức, vì thức này sanh diệt tương-tục không gián-đoạn, nên gọi là « Ý ». Song, sợ người lầm-lộn với ý-thức thứ Sáu, nên thức thứ Bảy này chỉ gọi là « Ý », mà không thêm chữ « Thức ». Thức này chỉ duyên kiện-phần của thức A-lại-da chấp làm thật-ngã và thật-pháp.

**KHI Ở ĐỊA-VỊ PHẦM-PHỤ,
THỨC NÀY ĐỐI VỚI:**

- 1.- **Ba cảnh:** Thức này chỉ có Đới-chật-cảnh.
- 2.- **Ba lượng:** Thức này chỉ có Phi-lượng.
- 3.- **Ba tánh:** Thức này chỉ có Hữu-phú Vô-ký-tánh.
- 4.- **Ba giới:** Trong ba Giới, thức này đều có đủ.
- 5.- **Chín địa:** Trong chín Địa, thức này có đủ.
- 6.- **Tâm-sở:** Thức này có 18 tâm-sở: 5 món Biên-hành, 1 món Huệ trong Biệt-cảnh, 4 món Căn-bổn phiền-não: Si, Kiền, Mạn, Ái và tám món Đại-tùy.
- 7.- **Chín duyên:** Thức này chỉ có ba duyên: 1- Căn-cảnh-duyên. 2- Tác-ý-duyên. 3- Chủng-tử-duyên.
- 8.- **Tánh:** Hằng thâm-xét và lo nghĩ (hằng thâm tư-lương).
- 9.- **Tướng:** Lo nghĩ (tư-lương vi tánh tướng).

10.- Nghiệp-dụng: Làm chỗ cho 6 thức trước nương, hoặc nhiếp hay tịnh.

KHI LÊN THÁNH-VỊ, THỨC NÀY ĐỐI VỚI:

1.- **Quán hạnh:** Thật ra thức này không có năng-lực đoạn-hoặc, chỉ nhờ thức thứ Sáu tu quán, đoạn-hoặc, mà thức này cũng được đoạn.

2.- **Đoạn-hoặc và chuyển thành trí:** Có ba giai-đoạn: a) Đền Sơ-địa, thì thức này mới vừa chinh-phục được hai món chấp về phần cu-sanh và chuyển thành Bình-đẳng tánh trí. b) Khi lên Bát-địa (vô công-dụng đạo) thức này đoạn được cu-sanh Ngã-chấp. c) Đền Kim-cang đạo thì thức này mới đoạn được cu-sanh pháp-chấp.

3.- **Chứng quả và diệu-dụng:** Khi chứng quả vị Phật, thì thức này hiện ra thân «Tha-thọ-dụng», để giáo-hóa Thập-địa Bồ-tát.



Muốn cho người học dễ nhớ, nên trong Bát-thức qui-cử, ngài Huyền-Trang Pháp-sư có làm ba bài tụng như sau. Hai bài tụng

đầu nói thức này khi còn ở địa-vị phạm-phu. Bài tụng thứ ba, nói thức này khi lên Thánh-quả.

BÀI TỤNG THỨ NHẤT

**Đối-chất hữu-phú thông tình bồn
Tùy duyên chấp ngã, lượng vi phi
Bát đại Biến-hành, Biệt-cảnh Huệ
Tham, Si, Ngã-kiến, Mạn tương tùy.**

DỊCH NGHĨA

Đối-chất hữu-phú thông Bảy, Tám
Tùy duyên chấp ngã thuộc Phi-lượng
Tám đại, Biến-hành, Huệ Biệt-cảnh
Tham, Si, Ngã, Mạn thường theo nhau.

LƯỢC GIẢI

Trong ba cảnh, thức này chỉ duyên về «Đối-chất-cảnh». Ba tánh, thức này chỉ thuộc về «Hữu-phú vô-ký-tánh». Cảnh đối-chất của thức này là thông cả thức thứ Bảy và thức thứ Tám. Nghĩa là thức thứ Bảy dùng kiên-phần năng-duyên của mình (tức là Tâm, trên nguyên văn bài tụng chữ Hán gọi là Tình) duyên qua kiên-phần của thức thứ Tám (Kiên-phần thức thứ Tám cũng

là Tâm ; song vì bị thức thứ Bảy lầy nó làm «bản-chất» để duyên, nên trên bài tụng theo nguyên văn chữ Hán gọi là «Bồn», tức là «Bản-chất» vậy), rồi biến lại «cảnh-đối-chất». Vì thế nên trong Duy-thức có câu:

«DI tâm duyên tâm chơn đối-chất
Trung gian tướng-phần lượng đầu sanh».

Nghĩa là Thức thứ Bảy dùng kiên-phần của tâm mình, duyên qua kiên-phần tâm của thức thứ Tám, nên chính giữa hai thức này sanh ra một tướng-phần là cảnh «chơn đối-chất».

Chúng-sanh tùy vọng-nghiệp sanh trong Tam-giới, thì thức này cũng theo đó mà chấp-ngã. Trong ba lượng, thức này thuộc về phi-lượng.

Về tâm-sở thì thức này có 18 món: 8 Đại-tùy, 5 món Biến-hành và một món Huệ trong 5 món Biệt-cảnh, với bốn món Căn-bốn phiền-não là: Tham, Si, Mạn và Ngã-kiến.

BÀI TỤNG THỨ HAI

**Hàng thâm tư lượng ngã tương tùy
Hữu-tình nhựt dạ trán hôn mê**

**Tứ hoặc bát đại tương-ưng khởi
Lục chuyên hô vi «Nhiễm-tịnh-y».**

DỊCH NGHĨA

Hằng xét lo-lường theo chấp ngã
Hữu-tình ngày đêm bị mê-muội
Bốn hoặc, tám đại chung nhau khởi
Sáu thức gọi là «Nhiễm-tịnh-y».

LƯỢC GIẢI

Thức thứ Bảy thường suy-xét so-đo
chấp kiên-phần của thức thứ Tám làm Ngã.
Trong Bát-thức qui-cử tụng Trang-chú có
nói :

Thức thứ Tám, có hằng mà không thẩm xét.
Thức thứ Bảy, vừa hằng lại vừa thẩm xét.
Thức thứ Sáu, có thẩm xét mà không hằng.
Năm thức trước, không hằng và không thẩm.

Cũng vì thức này chấp Ngã, nên chúng
hữu-tình mê-muội trong sanh-tử đêm dài
mà chẳng tự biết. Thức này tương-ưng
với 4 món Căn-bốn phiền-não là : Si, Kiến
Mạn, Ái và 8 món Đại-tùy. Sáu thức trước

gọi thức này là «Nhiễm-tịnh-y» (Lục thức
hô vi nhiễm-tịnh-y).

BÀI TỤNG THỨ BA

**Cực hỷ Sơ-tâm, bình-đẳng-tánh
Vô công-dụng hạnh ngã hằng thôi
Như-lai hiện khởi tha-thọ-dụng
Thập-địa Bồ-tát sở bị cô (cơ).**

DỊCH NGHĨA

Đền Sơ-địa, thành «Bình-đẳng-trí»
Đền Vô-công-dụng, hằng phá Ngã
Như-Lai hiện thân «Tha-thọ-dụng»
Giáo-hóa hàng Thập-địa Bồ-tát.

LƯỢC GIẢI

Hành-giả khi chứng được Hoan-hỷ-
địa, tức là Sơ-địa, thì thức này chuyển lại
thành «Bình-đẳng-tánh-trí». Đền Bất-động-
địa, tức là địa thứ Tám, cũng gọi là «Vô công-
dụng hạnh»; lúc bấy giờ hành-giả mới dẹp
trừ chủng-tử của Ngã-chấp. Đền khi chứng
quá Phật, thức này đã chuyển thành trí,
hiện ra thân «Tha-thọ-dụng» để giáo-hóa
hàng Thập-địa Bồ-tát.

BÀI THỨ SÁU
A-LẠI-DA THỨC
(THỨC THỨ TÁM)

Thức này có rất nhiều tên, khi đọc đến luận « A-đà-na thức » quý vị sẽ hiểu rõ. Nay chúng tôi chỉ kể sơ-lược một vài tên.

1.- Đệ bát thức: Thức thứ Tám. Vì theo thứ-đệ: một là Nhãn-thức, hai là Nhĩ-thức, cho đến thức thứ Tám là thức này, nên gọi là Đệ-bát-thức.

2.- A-lại-da thức: Tàu dịch là « Tàng-thức »: Thức này có công-năng chứa đựng chủng-tử của các pháp. « Thức » là thể, mà « chứa » là dụng. Hiệp cả thể và dụng, nên gọi là « thức chứa » (Tàng-thức). Có 3 nghĩa:

a) *Năng-tàng:* Năng chứa. Thức này có công-năng chứa đựng và giữ-gìn chủng-tử (hạt giống) của các pháp.

b) *Sở-tàng*: Bị chứa. Thức này là chỗ để chứa các pháp.

c) *Ngã-ái-chấp-tàng*, gọi tắt là «chấp-tàng»: Thức thứ Bảy chấp kiên-phần của thức này làm Ta và thường ái-luyến.

KHI Ở ĐỊA-VỊ PHẠM - PHU, THỨC NÀY ĐỐI VỚI

- 1.- **Ba cảnh**: Thức này chỉ duyên về «Vô bán-chật tánh-cảnh».
- 2.- **Ba lượng**: Thức này chỉ có «Hiện-lượng».
- 3.- **Ba tánh**: Thức này thuộc về «Vô-phú vô-ký-tánh».
- 4.- **Ba thọ**: Thức này chỉ có «Xả-thọ».
- 5.- **Ba cõi**: Thức này tùy nghiệp-lực dẫn sanh trong ba cõi.
- 6.- **Chín Địa**: Trong chín Địa đều có thức này.
- 7.- **Tâm-sở**: Thức này chỉ tương-ưng với 5 món Biên-hành; song trong 5 thọ thì nó chỉ có «Xả-thọ».

8.- **Chín duyên**: Thức này chỉ có 4 duyên:
a) Căn (Mạt-na). b) Cảnh (căn thân, thê-giới và chủng-tử). c) Tác-ý.
d) Chủng-tử.

9.- **Thê (tánh)**: Voi voi không cùng (hạo hạo tam tàng bất khả cùng).

10.- **Tướng**: Thức này như vực sâu (uyên-thâm thất lãnh cảnh vi phong).

11.- **Nghiệp - dụng**: Thức này duy - trì chủng-tử căn-thân, thê-giới và làm chỗ để thọ các pháp huân vào.

KHI LÊN THÁNH-VỊ, THỨC NÀY ĐỐI VỚI:

- 1.- **Quán-hạnh**: (không có quán-hạnh).
- 2.- **Đoạn - hoặc và chuyển thành trí**: Khi lên «Bất-động-địa» (Bát-địa) thì hành-giả đoạn được cu-sanh Ngã chấp; lúc bấy giờ thức này bỏ cái tên «Tàng-thức». Đền Kim-cang đạo rồi, thì hành-giả đoạn hết cu-sanh pháp-chấp, không còn cảm-thọ sanh-tử, cho nên cũng không còn tên là «Dị-thục-thức»; vì đền địa-vị này thì các chủng-tử hữu-lậu đã hết. Lúc bấy giờ thức

này được gọi là « Vô-câu-thức », và chuyển thành Đại-viên-cảnh trí.

3.- Chứng quả và diệu dụng : Vì thức này đã thành Đại-viên-cảnh trí, nên chiếu khắp mười phương các cõi nước nhiều như vi-trần.



Muốn cho người học dễ nhớ, nên trong Bát-thức qui cú, ngài Huyền-Trang Pháp-sư có làm ba bài tụng để tóm lại các nghĩa trên như sau. Hai bài tụng đầu nói thức này khi còn ở địa-vị Phạm-phu, bài tụng thứ ba, nói khi đã lên Thánh-quả.

BÀI TỤNG THỨ NHỨT

**Tánh duy vô-phú ngũ Biến-hành
Giới, Địa tùy tha nghiệp-lực sanh
Nhị-thừa bát liễu hơn mê chấp
Do thử năng hưng Luận-chủ tranh.**

DỊCH NGHĨA

Vô-phú tánh và năm Biến-hành
Ba cõi, chín địa tùy nghiệp sanh
Nhị-thừa không rõ sanh mê-chấp
Bởi thế nên chi Luận-chủ tranh (cãi).

LƯỢC GIẢI

Trong ba tánh, thức này thuộc về « Vô-phú vô-ký-tánh ». Trong 51 món tâm-sở thức này chỉ tương-ưng với 5 món Biến-hành, song trong 5 thọ thì nó chỉ có Xả-thọ. Tùy theo nghiệp-lực kéo dẫn, mà thức này sanh trong ba cõi và chín địa. Hàng Nhị-thừa không hiểu, chấp thức này không có. Bởi thế nên Luận-chủ dẫn rất nhiều bằng chứng trong các Kinh Luận để tranh luận, chỉ rõ và quyết-định phải có thức thứ Tám này.

BÀI TỤNG THỨ HAI

**Hạo hạo tam tàng bất khả cùng
Uyên thâm thất lãng cảnh vi phong
Thọ huân trì chủng căn thân khí
Khứ hậu lai tiên tác chủ Ông.**

DỊCH NGHĨA

Voi voi ba tàng không cùng tột
Vực sâu, bảy sóng, cảnh làm gió
Chịu huân, trì chủng và thân cảnh
Đến trước đi sau làm chủ Ông.

LƯỢC GIẢI

Ba tàng là Năng-tàng, Sở-tàng và Ngã-ái-chấp-tàng. Bởi thức này có công-năng duy-trì các chủng-tử, nên gọi là «Năng-tàng». Vì thức này là chỗ để chịu cho các pháp hiện-hành huân vào, nên gọi là «Sở-tàng». Thức thứ Bảy chấp kiên-phần của thức này làm Ngã, nên gọi là «Ngã-ái-chấp-tàng».

Thế và dụng của thức này sâu rộng vô cùng; hàng phàm-phu và Nhị-thừa không thể thấu tột. Chúng hữu-tinh từ vô-thỉ đến nay, cũng do thức này mà sanh-tử tương-tục không cùng tột, nên trong bài tụng nói:

«Voi voi ba tàng không cùng tột».

Biên tàng-thức rất là sâu rộng, gió bốn duyên (căn, cảnh, chủng-tử và tác-ý) một phen thổi vào, thì sóng bảy thức nhập-nhô nổi dậy.

Thức này có công-năng duy-trì chủng-tử, căn-thân, thê-giới và chịu cho các pháp hiện-hành huân vào.

Thức này làm ông Chủ; vì khi chúng hữu-tinh chết thì nó đi sau, còn khi đầu sanh thời nó lại đèn trước.

Cổ-nhơn có làm bài kệ, để nói trạng-thái người chết, trong lúc thần-thức sắp rời thân xác, có thể kinh-nghiệm biết người chết rồi được thăng lên hay đọa xuống.

CHÁNH VĂN

**Đánh Thánh, nhãn sanh Thiên
Nhơn tâm, Ngạ-qui phúc
Bàn-sanh tất cái ly
Địa-ngục khước tâm xuất.**

DỊCH NGHĨA

Thánh đầu, Trời tại mắt
Người tim, ngạ-qui bụng
Súc-sanh hai chân xuống
Địa-ngục bàn chân ra.

BÀI TỤNG THỨ BA

**Bát-động-dịa tiền tài xả tạng
Kim-cang đạo hậu Di-thực không
Đại-viên vô-cấu đồng thời phát
Phò chiếu thập phương trần-sát trung.**

DỊCH NGHĨA

Đền Đệ-bát-địa bỏ tên « Tàng »
 Chứng Kim-cang-đạo, không « Di-thực »
 Gương trí không như đồng thời phát
 Khắp chiếu mười phương vô số cõi.

LƯỢC GIẢI

Hành-giá khi đền Bất-động-địa, tức là Bát-địa trở nên, thì thức này mới xả cái tên « Tàng-thức » mà chỉ còn gọi là « Di-thực thức ». Khi đền vị Đẳng-giác, được Kim-cang-đạo, thì thức này không còn gọi tên là « Di-thực » nữa. Vì lúc bây giờ, các chủng tử hữu-lậu câu-nhiễm đã hết, nên thức này được đổi tên là « Vô-câu-thức »; chỉ còn thuần chủng-tử vô-lậu thanh-tịnh, nên cũng được gọi là « Bạch-tịnh-thức ».

Đền Kim-cang-đạo, thì thức này được gọi là « Vô-câu » và chuyển thành Đại-viên-cảnh trí, nên trong bài tụng nói:

« Đại-viên (trí) vô-câu (thức) đồng thời phát ».

Trí Đại-viên này chiếu khắp cả mười phương thể - giới nhiều như sô cát sông

Hàng; và hiện ra Báo-thân Phật và Hóa-thân Phật để độ thoát chúng-sanh tốt đền đời vị-lai.

Tóm lại, thức thứ Tám này vì trải qua 3 giai-đoạn, nên có ba tên khác nhau:

1.- Từ phạm-phu cho đền mãn Thất-địa, thì gọi thức này là Tàng-thức (A-lại-da) hay « Di-thực-thức ».

2.- Từ Bát-địa đền Đẳng-giác, thì không còn gọi là « Tàng-thức » mà chỉ gọi là « Di-thực-thức ».

3.- Đền quá vị Phật, thì tên « Di-thực » cũng không còn, mà chỉ gọi là « Vô-câu-thức » hay « Bạch-tịnh-thức ».



Muốn cho người học dễ nhớ hành-tướng và công-năng của 8 thức tâm-vương nên cổ-nhân có làm bài thơ rằng:

Bát cá đệ huỳnh, nhứt cá si
 Độc hữu nhứt cá tối linh ly
 Ngũ cá môn tiền tố mại mại
 Nhứt cá gia trung tác chủ y.

DỊCH NGHĨA

Anh em tám chú một chàng si
(thức thứ Bảy)

Duy có ý-thức rất linh-ly (khôn ngoan)

Năm người ngoài cửa lo buôn-bán
(năm thức trước)

Làm chủ trong nhà Đệ-bát-y
(thức thứ Tám).



BÀI THỨ BẢY

II.- TÂM - SỞ

(CÓ 51 MÓN)

« Tâm-sở-hữu pháp » gọi tắt là « Tâm-sở »; nghĩa là pháp sở-hữu của Tâm-Vương. Tâm-sở tùy theo Tâm-Vương mà khởi và giúp-đỡ Tâm-Vương để tạo nghiệp (Dữ thứ tương-ưng cồ).

Tâm-sở có 51 món, chia làm 6 loại :

A.- TÂM-SỞ BIÊN-HÀNH

(có 5 món)

Chữ « Biên-hành » nghĩa là đi khắp. Năm món Tâm-sở này đi khắp 4 chỗ: 1.- Tất cả thời-gian (quá-khứ, hiện-tại và vị-lai). 2.- Tất cả chỗ (không-gian: Ba cõi, chín địa). 3.- Tất cả thức (Tám thức Tâm-Vương). 4.- Tất cả tánh (tánh lành, dữ và tánh không lành dữ).

1.- Xúc: Tiếp-xúc, gặp-gỡ. Tánh của Tâm-sở này, hay làm cho Tâm-vương hoặc Tâm-sở tiếp-xúc với cảnh. Nghiệp-dụng của nó là làm chỗ nương cho Thọ, Tưởng, Tư v.v... để phát-sanh.

2.- Tác-ý: Móng khởi cái ý. Tánh của Tâm-sở này hay đánh thức chủng-tử của Tâm-vương, Tâm-sở khiến cho sanh khởi. Nghiệp-dụng của nó dẫn tâm đến duyên tự cảnh.

3.- Thọ: Lãnh thọ. Tánh của Tâm-sở này hay lãnh thọ những cảnh thuận, nghịch và cảnh không thuận nghịch. Nghiệp-dụng của nó là mong-muốn. Như gặp cảnh thuận thì muốn hiệp, gặp cảnh nghịch thì muốn lìa và muốn cảnh không thuận, nghịch. Nói lại cho dễ hiểu là thọ cảnh vui, buồn và cảnh bình-thường.

4.- Tưởng: Nhớ tưởng. Tánh của Tâm-sở này hay tưởng hình-tượng của cảnh vật. Nghiệp-dụng của nó là bịa-đặt ra những danh-từ để kêu gọi. Như tưởng hình tướng trắng, mỏng và vuông, rồi tùy theo đó mà đặt ra cái tên là « tờ giấy ».

5.- Tư: Lo nghĩ. Tánh của Tâm-sở này, khiến cho tâm lo nghĩ tạo-tác. Nghiệp-dụng của nó là sai tâm làm những việc lành, dữ hoặc không phải lành dữ.

B.- TÂM-SỞ BIỆT-CẢNH

(có 5 món)

Chữ « Biệt-cảnh » là mỗi cảnh riêng khác. Năm món Tâm-sở này, mỗi món duyên mỗi cảnh riêng khác.

1.- Dục: Mong-muốn. Tánh của Tâm-sở này hằng mong muốn duyên những cảnh vui thích. Nghiệp-dụng của nó, làm chỗ nương cho « siêng-năng ».

2.- Thẳng-giải: Hiểu-biết rõ-ràng. Tánh của Tâm-sở này, hiểu-biết rõ-ràng không có nghi-ngờ. Nghiệp-dụng của nó là quyết-định không chuyển-đổi.

3.- Niệm: Nhớ. Tánh của Tâm-sở này, khiến cho tâm ghi nhớ rõ-ràng những cảnh đã qua. Nghiệp-dụng của nó, làm chỗ nương cho Định.

4.- **Định**: Chuyên-chú. Tánh của Tâm-sở này, khiến cho tâm khi đối với cảnh, chuyên-chú không tán-loạn. Nghiệp-dụng của nó làm chỗ nương cho Trí; vì khi đối với cảnh, tâm chuyên-chú không tán-loạn, nên sanh ra Trí.

5.- **Huệ**: Sáng tỏ. Tánh của Tâm này, khi đối với cảnh, sáng-suốt lựa chọn. Nghiệp-dụng của nó, dứt nghi-ngờ. Trong khi đối với cảnh, vì có Huệ suy-xét, nên quyết-định không còn nghi-ngờ.

C.- TÂM - SỞ THIỆN

(có 11 món)

Chữ «Thiện» là hiền-lành. Bán-tánh của 11 món Tâm-sở này, hiền-lành và làm lợi-ích cho chúng-sanh.

1.- **Tín**: Tin. Tánh của Tâm-sở này, tin chịu những gì có Thật (chơn-thật), Đức (hình-dung), Năng (nghiệp-dụng) và làm cho Tâm được thanh-tịnh. Nghiệp-dụng của nó: đối-trị Bất-tín và ưa việc lành.

2.- **Tinh-tán**: Tinh-chuyên và tận-tới. Tánh của Tâm-sở này, siêng-năng đoạn các việc dữ, làm các việc lành. Nghiệp-dụng của nó: đối-trị giải-đãi và làm viên-mãn việc lành.

3.- **Tàm**: Tự xâu-hổ. Tánh của Tâm-sở này, mỗi khi làm điều gì quấy, tự mình xâu-hổ; kính-trọng người hiền và ưa việc phải. Nghiệp-dụng của nó: đối-trị tâm «Không biết xâu-hổ» và ngăn-ngừa việc dữ.

4.- **Quí**: Thẹn với người. Tánh của Tâm-sở này, khi mình làm điều gì quấy, thây người thẹn-thùa; không chịu gán người ác, chẳng làm việc dữ. Nghiệp-dụng của nó: đối-trị «Tâm không biết thẹn» và ngăn làm việc ác.

5.- **Vô tham**: Không tham-lam. Tánh của Tâm-sở này, không tham-lam cảnh dục-lạc trong tam-giới. Nghiệp-dụng của nó: đối-trị lòng «Tham» và ưa làm việc lành.

6.- **Vô sân**: Không sân-hận. Tánh của Tâm-sở này, khi đối với cảnh trái nghịch,

không nóng giận. Nghiệp-dụng của nó : đối-trị « Sân-hận » và ưa làm việc lành.

7.- Vô si : Không si-mê. Tánh của Tâm-sở này, khi đối với sự lý, hiểu-biết rành-rõ không mờ-ám. Nghiệp-dụng của nó : đối-trị « Si-mê » và ưa làm việc lành.

8.- Khinh-an : Nhẹ-nhàng, thư-thối. Tánh của Tâm-sở này làm cho thân-tâm nhẹ-nhàng khoan-khoái, xa-lìa những gì nặng-nề bức-bội. Nghiệp-dụng của nó : đối-trị « Hôn-trám ».

9.- Bất phóng-dật : Không buông-lung, phóng-túng. Tánh của Tâm-sở này là phòng-ngừa việc ác, làm việc lành và không phóng-túng. Nghiệp-dụng của nó : làm viên-mãn việc lành ở thế-gian, xuất-thê-gian và đối-trị « Buông-lung ».

10.- Hành xả : Làm rồi không chấp trước. Tánh của Tâm-sở này, khi làm các việc phước-thiện, không chấp trước, khiến tâm an-trụ nơi vô công-dụng. Nghiệp-dụng của nó : đối-trị « Trạo-cử » và làm cho tâm an-trụ nơi yên-tĩnh.

11.- Bất-hại : Không làm tổn-hại. Tánh của Tâm-sở này không làm tổn-hại tất cả chúng hữu-tình. Nghiệp-dụng của nó : từ-bi thương-xót loài vật và đối-trị « Tôn-hại ».

D.- CĂN-BẢN PHIÊN-NÃO

(có 6 món)

Sáu món phiên-não này thuộc về ác. Nó làm cội gốc sanh ra các phiên-não chi-mạt, nên gọi là « Căn-bản ».

1.- Tham : Tham-lam. Tánh của Tâm-sở này tham-lam đắm-nhiễm những gì nó ưa thích, như tài sắc, danh-vọng v.v... Nghiệp-dụng của nó : làm chướng-ngại « Vô tham » và sanh tội khổ.

2.- Sân : Nổi nóng. Tánh của Tâm-sở này, giận ghét những cảnh trái nghịch. Nghiệp-dụng của nó : làm cho thân-tâm không yên-ôn, chướng-ngại tánh « Vô sân » và sanh các tội-lỗi.

3.- Si : Ngu-si, hoặc gọi là « Vô-minh » (không sáng-suốt). Tánh của Tâm-sở này là mê-muội, không biết hay dở, phải quấy.

Nghiệp-dụng của nó: sanh ra các pháp tạp-nhiễm và chướng-ngại tánh « Vô si ».

Ba món phiền-não Tâm-sở (Tham, Sân, Si) này, làm chướng-ngại 3 món Vô-lậu là Giới, Định và Huệ.

4.- Mạn : Khinh-mạn. Tánh của Tâm-sở này, ý tài-năng hoặc thê-lực của mình, khinh-dễ ngạo-mạn người. Nghiệp-dụng của nó: làm nhờn sanh ra tội-lỗi và chướng-ngại tánh « không khinh-mạn ».

5.- Nghi : Nghi-ngờ, do-dự. Tánh của Tâm-sở này, nghi-ngờ không tin những việc phải, chơn-chánh. Nghiệp-dụng của nó: làm trở-ngại việc lành và chướng-ngại tánh « không nghi ».

6.- Ác-kiến : Thầy biết thuộc về tội ác, nhiễm-ô. Tánh của Tâm-sở này, hiểu-biết điên-đảo, không đúng chánh-lý. Nghiệp-dụng của nó: gây tạo tội khổ và chướng-ngại những hiểu-biết chơn-chánh.

Ác-kiến này có 5 món:

1.- Thân-kiến : Chấp Ta (Ngã).

2.- Biên-kiến : Chấp một bên, hoặc chấp Ta chết rồi mất hẳn (chấp-đoạn), hoặc chấp Ta chết rồi còn hoài (chấp thường).

3.- Tà-kiến : Chấp tà, mê-tín, dị-đoan.

4.- Kiến-thủ : Chấp cứng chỗ hiểu-biết của mình là đúng, mặc dù có người biết sai, chỉ bảo lại cũng không nghe.

5.- Giới-cám-thủ : Chấp giữ theo những giới cầm không chơn-chánh của ngoại-đạo. Nói rộng ra là chấp theo những tục-lệ không hay.



BÀI THỨ TÁM

E.- TÙY PHIÊN-NÃO

(có 20 món)

Hai mươi món phiên-não này, là tùy thuộc 6 món Căn-bản phiên-não trên mà sanh-khởi. Vì phạm-vị tương-ưng của nó có rộng và hẹp không đồng, nên chia ra làm ba loại :

I.- TIÊU-TÙY, có 10 món, mỗi món tự lực sanh khởi, phạm-vị tương-ưng nhỏ hẹp, nên gọi là « Tiêu ».

1.- **Phẫn** : Giận. Tánh của tâm-sở này, khi gặp cảnh trái nghịch, nóng giận. Nghiệp-dụng của nó là hay làm tổn-hại người, vật và chướng-ngại tánh không nóng giận.

2.- **Hận** : Hờn. Khi gặp cảnh nghịch, trước nóng giận rồi sau mới hờn. Tánh của tâm-sở này là ôm-ấp sự oán-ghét không bỏ.

Nghiệp-dụng của nó là nóng-nảy, buồn-phiến và hay làm chướng-ngại tánh không hèn.

3.- Phú : Che-giàu. Tánh của Tâm-sở này, vì sợ mất danh-giá và tài-lợi, nên che-giàu tội-lỗi của mình. Nghiệp-dụng của nó là hay ăn-năn, buồn và chướng-ngại tánh không che giàu.

4.- Não : Buồn buồn. Khi gặp cảnh nghịch, trước giận-hờn rồi sau mới buồn. Tánh của Tâm-sở này hay nhớ lại những cảnh trái-nghịch đã qua, rồi sanh buồn-phiến. Nghiệp-dụng của nó là làm chướng-ngại tánh không buồn.

5.- Tật : Tật-đồ, ganh-ghét. Tánh của Tâm-sở này hay ganh-ghét đồ-ky những gì mà người ta hơn mình. Nghiệp-dụng của nó là làm chướng-ngại tánh không tật-đồ và sáu khổ lo buồn.

6.- San : Bòn-xén. Tánh của Tâm-sở này, bòn-xén, rích-rắm, không chịu ban-bò tiền-tài hay giáo-pháp cho người. Nghiệp-dụng của nó là làm bộ què-múa, ăn mặc

nghèo cực, để tích-trữ tài-sản và làm chướng-ngại tánh không bòn-xén.

7.- Cuống : Dối. Tánh của Tâm-sở này, dối gạt người để lợi mình. Nghiệp-dụng của nó là làm việc không chơn-chánh để nuôi sống và chướng-ngại tánh không dối-gạt.

8.- Sièm : Bợ-đỡ, nịnh-hót. Tánh của Tâm-sở này, lựa thời-thê nịnh-hót, bợ-đỡ người. Nghiệp-dụng của nó là không nghe lời chỉ giáo chơn-chánh của thầy, bạn và làm chướng-ngại tánh không dua-nịnh.

9.- Hại : Tồn-hại. Tánh của Tâm-sở này làm tổn-hại các loài hữu-tình. Nghiệp-dụng của nó là làm bức-não người, vật và chướng-ngại tánh không tồn-hại.

10.- Kiêu : Kiêu-căng. Tánh của Tâm-sở này, vì thấy mình giàu-sang, quyền-trúc hoặc có tài-năng, rồi sanh ra kiêu-cách và ngạo-nghe. Nghiệp-dụng của nó là làm nhơn sanh ra nhiễm-ô, tội-lỗi và chướng-ngại tánh không kiêu-căng.

II.- TRUNG-TÙY, có hai món là Vô-tâm và Vô-quí; vì hai món Tâm-sở này, duyên các Tâm-sở bất-thiện, phạm-vi tương-trung của nó trung-bình, nên gọi là « Trung-tùy ».

11.- Vô-tâm: Tự mình không biết xấu-hổ. Tánh của Tâm-sở này, khi làm việc quấy không biết tự hổ, khinh-dễ những người hiền-thiện. Nghiệp-dụng của nó là làm tăng-trưởng việc ác và chướng-ngại tánh biết xấu-hổ.

12.- Vô-quí: Không biết thẹn với người. Tánh của Tâm-sở này, khi làm việc quấy, không biết thẹn với người, ưa làm việc tội ác. Nghiệp-dụng của nó là làm tăng-trưởng việc ác và chướng-ngại tánh biết thẹn.

III.- ĐẠI-TÙY, có 8 món sau đây. Tám món Tâm-sở này biên khắp các Tâm-sở bất-thiện, phạm-vi của nó rộng hơn hai món Trung-tùy trước, nên gọi là « Đại-tùy ».

13.- Trạo-cử: Lao-chao. Tánh của Tâm-sở này làm cho thân-tâm chao-động

không yên-tĩnh. Nghiệp-dụng của nó là làm chướng-ngại Định và Hành-xả.

14.- Hôn-trầm: Mờ-tối trầm-trọng. Tánh của Tâm-sở này, khiến cho tâm khi đối với quán-cảnh mờ-mịt không sáng-suốt. Nghiệp-dụng của nó là làm chướng-ngại Huệ và Khinh-an.

15.- Bất-tín: Không tin. Tánh của Tâm-sở này là không tin các pháp lành, làm cho tâm-tánh ô-nhiễm. Nghiệp-dụng của nó hay sanh giải-đãi và chướng-ngại tâm thanh-tĩnh.

16.- Giải-đãi: Biếng-nhác trễ-nải. Tánh của Tâm-sở này biếng-nhác, không lo đoạn ác và tu thiện. Nghiệp-dụng của nó là làm chướng-ngại tinh-tần và tăng-trưởng tánh nhiễm-ô.

17.- Phóng-dật: Buông-lung. Tánh của Tâm-sở này phóng-túng, buông-lung, không thúc-liếm thân tâm để đoạn ác tu thiện. Nghiệp-dụng của nó là làm tăng ác tổn thiện, và chướng-ngại tánh không buông-lung.

18.- Thất-niệm : Mất chánh-niệm. Tánh của Tâm-sở này không nhớ cảnh đã duyên. Nghiệp - dụng của nó là làm chướng-ngại chánh-niệm và sanh tán-loạn.

19.- Tán - loạn : Rời - loạn. Tánh của Tâm-sở này làm cho tâm rời-loạn. Nghiệp-dụng của nó hay chướng-ngại chánh-định và sanh ra ác-huệ.

20.- Bát-chánh-tri : Biết không chơn-chánh. Tánh của Tâm-sở này, khi đời với cảnh, hiểu-biết sai-lầm. Nghiệp dụng của nó là làm chướng-ngại cái hiểu-biết chơn-chánh và sanh ra phạm giới.

Hỏi : - Ba món Tâm-sở : Trạo-cử, Tán-loạn và Phóng-dật khác nhau thế nào ?

Đáp : - Trạo-cử là lao-chao; dụ như con ngựa đứng một chỗ trong chuồng, nhưng đầu và mình vẫn lắc qua lắc lại không yên. - Tán-loạn là rời-loạn; dụ như con ngựa chạy lăng-xăng trong chuồng. - Phóng-dật là buông-lung; dụ như con ngựa đã thoát ra khỏi chuồng, tuôn vào lúa mạ của người.

Hỏi : - Bồn món Tâm-sở : Sân, Phẫn, Hận và Não, hành-tướng khác nhau thế nào ?

Đáp : - Sân là nổi nóng, dụ như lửa rom. Phẫn là giận, dụ như lửa củi. Hận là hờn, dụ như lửa than. Não là buồn, dụ như tro nóng.

Hỏi : - Siêng-năng làm việc quày, có phải là Tinh-tần Tâm-sở không ?

Đáp : - Không phải. Siêng-năng làm việc quày là Phóng-dật Tâm-sở.



BÀI THỨ CHÍN

G.- BẮT-ĐỊNH TÂM-SỞ

(có 4 món)

Bốn món Tâm-sở này không nhưt-định thiện hay ác, nên gọi là «Bắt-định».

1.- **Hối**: Ăn-năn. Chỗ khác gọi là «Ồ-tác»: Ghét việc làm đã qua; cũng là dị-danh của «Hối». Tánh của Tâm-sở này, ăn-năn việc làm đã qua. Nghiệp-dụng của nó làm chướng-ngại Định.

Ăn-năn có khi thiện mà cũng có lúc lại ác. Như ăn-năn: Vừa rỗi mình sân-si đánh-đập người thật bậy quá, như thế là thiện. Ăn-năn: Vừa rỗi sao mình không trộm lấy đồ vật của người, như thế là ác.

2.- **Miên**: Ngủ. Tánh của Tâm-sở này làm cho tâm mờ-mịt, thân không tự-tại. Nghiệp-dụng của nó làm chướng-ngại quán-

tương. Ngủ cũng có khi thiện mà cũng có lúc lại ác: Ngủ phải thời là thiện, còn ngủ trong khi nghe kinh hay niệm Phật là ác.

3.- Tâm: Tìm cầu. Tâm-sở này thiện và ác không nhất-định, chỉ tùy theo trường-hợp. Tánh của nó làm cho tâm đối với cảnh danh-ngôn của ý-thức (ý-ngôn cảnh) sanh-khởi thô động. Nghiệp-dụng của nó là làm cho thân tâm chẳng yên.

4.- Tư: Chính-chẩn xét. Tâm-sở này cũng có thiện và ác, tùy theo trường-hợp. Tánh của nó là làm cho tâm đối với cảnh danh-ngôn của ý-thức, sanh-khởi tê-nhị. Nghiệp dụng của nó làm cho thân tâm được yên.

Tóm lại, tất cả chúng-sanh hằng ngày tạo nghiệp lành hay dữ, chịu quả-báo khổ hay vui, không vượt ra ngoài phạm-vi của 8 món Tâm-vương và 51 món Tâm-sở này.



III.- SẮC-PHÁP

(CÓ 11 MÓN)

Sắc-pháp là pháp thuộc về sắc (những cái thuộc về sắc). Sắc có hai loại: 1.- Hình-sắc, như dài, ngắn, vuông, tròn v.v... 2.- Màu sắc, như xanh, đỏ, trắng, vàng v.v...

Sắc có 11 món là 5 căn: Nhãn-căn, Nhĩ-căn, Tỷ-căn, Thiệt-căn, Thân-căn và 6 trần: Sắc-trần, Thinh-trần, Hương-trần, Vị-trần, Xúc-trần và Pháp-trần.

Sắc-pháp là tướng-phần ảnh-tượng của Tâm-vương và Tâm-sở (nhị sở hiện ảnh cớ).

1.- Nhãn-căn: Con mắt. Chữ «Căn» có nghĩa là làm chỗ nương cho thức và phát-sanh ra thức. Năm căn, căn nào cũng có hai thứ: 1.- Tinh-tê và ở bên trong, gọi là «Thắng-nghĩa-căn». 2.- Thô-phù, ở bên ngoài, gọi là «Phù-trần-căn».

Hình-tướng của con mắt như trái nho. Nghiệp-dụng của nó chiêu soi các sắc.

2.- Nhĩ-căn : Lỗ tai. Hình-tướng của tai như lá sen non. Nghiệp-dụng của nó hay nghe các tiếng.

3.- Tỹ-căn : Lỗ mũi. Hình-tướng của lỗ mũi như hai ngón tay xuôi xuống. Nghiệp-dụng của nó hay ngửi các mùi thơm và hôi.

4.- Thiệt-căn : Cái lưỡi. Hình-tướng của lưỡi như trăng lưỡi liềm. Nghiệp-dụng của nó nếm các vị và nói-năng kêu gọi.

5.- Thân-căn : Thân-thể. Chữ «thân» có hai nghĩa: Tích-tụ các bộ-phận và làm chỗ nương cho các căn. Hình-tướng của thân như hình trống cơm. Nghiệp-dụng của nó là duyên-xúc trần. Như nặng, nhẹ, trơn, nhám v.v...

6.- Sắc-trần : Cảnh bị thấy của con mắt. Chữ «trần» có nghĩa nhiễm-ô và bụi-bặm. Sắc-trần có 25 món: 1- Xanh, 2- Vàng, 3- Đỏ, 4-Trắng, 5- Dài, 6- Ngắn, 7- Vuông, 8- Tròn, 9- To, 10- Nhỏ, 11- Cao, 12- Thấp, 13- Ngay, 14- Xiên, 15- Ánh-sáng, 16- Bóng, 17- Sáng, 18- Tối, 19- Khói, 20- Bụi, 21- Mây,

22- Mù, 23- Cực-lược sắc (sắc rất nhỏ) và Cực-hánh sắc (sắc rất xa), 24- Biểu-sắc (sắc, có nêu ra đượ), 25- Sắc hư-không.

7.- Thinh-trần : Tiếng, cảnh bị nghe của tai. Có 12 loại tiếng: 1- Tiếng: cái tướng bị nghe của tai (nói chung các tiếng), 2- Tiếng vừa ý, 3- Tiếng không vừa ý, 4- Tiếng bình thường (không ưa ghét), 5- Tiếng loài hữu-tình (tiếng nói), 6- Tiếng loài vô-tình (tiếng cây v.v...), 7- Tiếng thuộc cả hữu-tình và vô-tình (như tiếng trống do tay người ta đánh), 8- Tiếng thuộc về thể-tục nói, 9- Tiếng thuộc về của Thánh-giá nói, 10- Tiếng của ngoại đạo nói (do biên-kê-sở-chấp), 11- Tiếng nói chánh (Thánh ngôn) (như thật có thầy, nghe, hay, biết thì nói có thầy, nghe, hay và biết; không thầy, nghe, hay, biết thì nói không thầy, nghe, hay, biết, như thế gọi là 8 lời nói Chánh), 12- Tiếng vang.

8.- Hương-trần : Mùi, cảnh bị ngửi của mũi. Có 6 thứ mùi: 1- Mùi thơm, 2- Mùi hôi, 3- Mùi không thơm hôi, 4- Mùi từ bản-chất sanh (cu-sanh hương), 5- Mùi

do chê-tạo mà có (hòa-hiệp hương), 6- Mùi do sự biến đổi mà sanh.

9.- Vị-trần : Vị, cảnh bị nếm của lưỡi. Có 12 thứ vị: 1- Vị đắng, 2- Vị chua, 3- Vị ngọt, 4- Vị cay, 5- Vị mặn, 6- Vị lạt, 7- Vị vừa ý, 8- Vị không vừa ý, 9- Vị bình thường, 10- Vị từ bản-chất sanh, 11- Vị do hòa-hiệp chê-tạo mà có, 12- Vị do biến đổi mà sanh.

10.- Xúc-trần : Xúc, cảnh bị biết của thân. Xúc-trần có 24 món: 1- Đắt, 2- Nước, 3- Gió, 4- Lửa, 5- Nhẹ, 6- Nặng, 7- Nhám, 8- Trơn, 9- Huòn, 10- Gập, 11- Lạnh, 12- Nóng, 13- Cứng, 14- Mềm, 15- Đói, 16- Khát, 17- No, 18- Sức-lực, 19- Yếu, 20- Buồn, 21- Ngứa, 22- Dính, 23- Già, 24- Bịnh, 25- Chết, 26- Ôm.

11.- Pháp-trần : Cái bóng dáng của năm trần còn lưu lại trong ý-thức. Nghĩa là khi mắt không còn thấy sắc, tai không còn nghe tiếng, cho đến thân không còn biết xúc, mà trong ý-thức vẫn nhớ lại bóng-dáng của 5 trần; cái bóng-dáng đó là pháp-trần. Trong Duy-thức gọi là « lạc-tạ-ảnh-tử » (cái bóng rớt

lại). Đây là cảnh bị biết của ý-thức. Pháp-trần có 5 loại:

- 1.- Cực-lược sắc: Sắc rất nhỏ như vi-trần.
- 2.- Cực-hánh sắc: Sắc rất xa, như thầy thăm thăm mù mù.
- 3.- Định-quá sắc: Những sắc tướng do tu định hiện ra. Như các vị Bồ-tát, khi nhập-định hiện ra nước, lửa, thề-giới v.v...
- 4.- Vô biểu sắc: Sắc không nêu bày ra được; như khi thọ-giới, ý-thức lãnh-thọ mà có, nên cũng gọi là « thọ-sở-dẫn-sắc », (sắc do thọ-giới dẫn sanh).
- 5.- Biên-kê-sở-chấp sắc: Sắc do ý-thức vọng-tưởng phân-biệt sanh, chẳng thật.



BÀI THỨ MƯỜI

IV.- TÂM BẤT TƯƠNG ƯNG HÀNH PHÁP

(CÓ 24 MÓN)

Tâm bất tương-ưng hành pháp, gọi tắt là «Bất tương-ưng hành». Chữ «Hành-pháp» là những pháp thuộc về «Hành-uẩn». Hành-uẩn là một trong năm uẩn.

Chữ «Hành» là sanh-diệt đời-đổi; chữ «Uẩn» là chứa nhóm. Hành-uẩn có 2 loại:

1.- Tương-ưng hành-uẩn, tức là các tâm-sở (51 món). Chữ «Tương-ưng» là ưng-thuận với Tâm-vương.

2.- Bất tương-ưng hành-uẩn, tức là 24 món «bất tương ưng hành» sau đây; 24 món này không tương-ưng với tâm, chúng chỉ y ba phần: Tâm-vương, tâm-sở và sắc-pháp mà giả thành-lập. (Tam, phần-vị sai-biệt cò).

1.- Đác : Được, trái với mất. Thí như « Tôi được đồng xu », cò-nhiên phải có đồng xu là « sắc-pháp », và nhãn-thức để thấy, ý-thức phân-biệt là tâm-pháp, cùng với các tâm-sở chung khởi là tâm-sở-pháp ; phải đủ cả ba phần như thế, mới thành nghĩa « được ».

2.- Mạng-căn : Thân mạng. Do nghiệp đời trước kéo dẫn, làm cho thần-thức thọ thân, sống trong một thời-gian hoặc lâu hay mau, gọi là « mạng-căn ».

3.- Chúng đồng phận : Cũng như chữ « đồng loại ». Các loại chúng-sanh hoặc hữu-tình hay vô-tình, loài nào đồng với loài này. Như loài người đồng với người ; loài vật đồng với vật.

4.- Dị sanh tánh : Những loài sanh ra khác với Thánh-nhơn, tức là phàm-phu ; chỗ khác gọi « phi-đắc » : Chúng phàm-phu không được Thánh-quả. Bởi thế nên gọi « Dị sanh tánh » hay « phi-đắc » đều được cả.

5.- Vô-tướng định : Định này diệt hết các tâm-vương và tâm-sở của 6 thức trước.

Song đây chỉ gọi « Vô-tướng » là vì « tướng » làm chủ-động vậy.

6.- Diệt-tận định : Định này không những diệt hết các tâm-vương và tâm-sở của 6 thức trước, mà diệt luôn cả phần tạp-nhiễm của tâm-vương tâm-sở về thức thứ Bảy.

Vô-tướng định là định của phàm-phu ; còn Diệt-tận định là định của Thánh-nhơn.

7.- Vô-tướng báo : Người ở cõi Dục tu Vô-tướng định, sau khi mạng chung, đặng báo-thân ở cõi trời Vô-tướng.

8.- Danh-thân : Tên hay danh-từ. Có danh-từ đơn và danh-từ kép.

9.- Cú-thân : Câu. Do ráp nhiều tiếng thành câu ; câu có ngắn và dài.

10.- Văn-thân : Chữ. Chữ là chỗ y-chỉ của danh-từ và câu.

11.- Sanh : Sanh ra. Nghĩa là từ hồi nào đến giờ không có, nay mới có.

12.- Trụ : C. Những vật đã sanh ra rồi, còn lưu lại trong một thời-gian, chưa diệt.

13.- Lão : Già, suy-yếu gần chết.

14.- Vô-thường : Không thường, biệt-danh của chết.

15.- Lưu-chuyển : Xoay-vấn, hơn-quả trước sau nối nhau không dứt.

16.- Định-vị : Hơn quả lành, dữ khác nhau, không lộn-lạ.

17.- Tương-ưng : Ưng-thuận với nhau. Như hơn nào quả này, cân-xứng với nhau.

(Hỏi : Cả 24 món, đều gọi là « Bất tương-ưng hành » tại sao món thứ 17 này lại gọi là « Tương-ưng » ? — Đáp : Nói « Bất tương-ưng » là để phân-biệt 24 món này, không phải là tương-ưng tâm-sở. Còn về món thứ 17 này mà gọi là « Tương-ưng », là do Sắc, Tâm và Tâm-sở hòa-hợp mà nói, nên không đồng với Tương-ưng tâm-sở » trước).

18.- Thế tức : Các pháp hữu-vi xoay-vấn mau lẹ như chong-chóng.

19.- Thứ đệ : Thứ lớp, trật-tự không có lộn-lạ.

20.- Thời : Thời-gian : quá-khứ, hiện-tại và vị-lai.

21.- Phương : Không-gian : Đông, Tây, Nam, Bắc, tứ-đuy, thượng hạ.

22.- Số : Số lượng. Như : một, hai, ba, bốn cho đến trăm, ngàn v.v...

23.- Hòa-hợp tánh : Các duyên hòa-hợp không có trái nhau.

24.- Bất hòa-hợp tánh : Những pháp chông trái, không hòa-hợp với nhau.

Nói tóm lại, từ trước đến đây đã kể 94 pháp : 8 món Tâm-vương, 51 món Tâm-sở, 11 món Sắc-pháp, 24 món Bất tương-ưng hành, đều thuộc về pháp hữu-vi có sanh-diệt biến-đổi. Sáu pháp sau đây thuộc về vô-vi.

Chữ « hữu-vi » là những gì có tạo-tác, có sanh-diệt, không thường còn. — « Vô-vi » là những gì không tạo-tác, không sanh-diệt, không tăng giảm, vắng-lặng thường còn.



V.- VÔ-VI PHÁP

(CÓ 6 MÓN)

Pháp Vô-vi không sanh-diệt, không biến đổi, không phải như các pháp hữu-vi là Tâm-vương, Tâm-sở, Sắc-pháp và Bát-tương-ưng hành có sanh diệt biến-đổi. Do các pháp hữu-vi (94 món) diệt rớt, thì pháp vô-vi mới hiện bày (Tứ, sở hiển thị cò).

Thật ra, vô-vi không phải có 6 pháp, song vì theo từng khía-cạnh của nó để giải-thích, nên đặt ra 6 tên.

1.- Hư-không vô-vi: Chơn-như hay Pháp-tánh, không thể dùng ý-thức suy-nghi hay lời nói luận-bàn đượ. Nó phi sắc, phi tâm, không sanh diệt, không cầu tịnh, không tăng giảm, nên gọi là «Vô-vi».

Bởi nó không ngã, không pháp, rời các cầu-nhiễm, rỗng-rang như hư-không, nên gọi là «Hư-không vô-vi». Đây là theo thí-dụ mà đặt tên.

2.- Trạch-diệt vô-vi: Do dùng trí-huệ Vô-lậu, lựa chọn diệt-trừ hết các nhiễm-ô, nên chơn-như vô-vi mới hiện. Vì thế nên gọi là « Trạch-diệt vô-vi ».

3.- Phi-trạch-diệt vô-vi: Vô-vi không cần lựa-chọn diệt-trừ các phiền-não. Có hai nghĩa:

a) Tánh chơn-như vốn thanh-tịnh, không phải do lựa-chọn diệt-trừ các phiền-não nhiễm-ô mới có, nên gọi là « Phi-trạch-diệt ».

b) Các pháp hữu-vi tạp-nhiễm, vì thiếu duyên không sanh-khởi, nên pháp vô-vi được hiện. Bởi thế nên gọi « Phi-trạch-diệt ».

4.- Bất-động-diệt vô-vi: Đệ tứ thiền đã lìa được ba định dưới, ra khỏi tam tai (đao-binh tai, hỏa-tai, thủy-tai) không còn bị mừng, giận, thương, ghét v.v... làm chao-động nơi tâm, nên gọi là « Bất-động-diệt ».

5.- Thọ-tưởng-diệt vô-vi: Khi được Diệt-tận-định, diệt-trừ hết « thọ » và « tưởng » tâm-sở nên gọi là « Thọ-tưởng-diệt vô-vi ».

6.- Chơn-như vô-vi: Không phải Vọng, gọi là Chơn (không biên-kê sở-chấp); không phải điên-đảo gọi là Như (không y-tha khởi), tức là thật-tánh của các pháp (Viên-thành-thật).

Trong luận Đại-thừa trăm pháp này, ngoại-nhơn hỏi hai câu:

— Tất cả pháp là gì?

— Thế nào là không thật (vô ngã)?

Từ trước đến đây, Luận-chủ lược nói 100 pháp, để trả lời câu hỏi thứ nhất rồi; sau đây trả lời về câu hỏi thứ hai.

PHẦN THỨ HAI

NÓI « KHÔNG THẬT » (VÔ NGÃ)

CHÁNH VĂN

Nói « không thật » (vô ngã), tóm có 2 loại:

— Nhơn (người) không thật

— Pháp (vật) không thật.

Người đời chấp tất cả các pháp thật có, tức là chấp Ngã (Thật). Chấp Thật (Ngã) có hai:

1.- Nhơn (người) thật

2.- Pháp (vật) thật.

Chấp thân này thật có, gọi là Nhơn thật. Chấp núi sông tất cả các cảnh-vật bên ngoài thật có, gọi là Pháp thật.

Do chấp thật có (ngã) nên sanh ra tham, sân, si rồi tạo ra các nghiệp, sanh-tứ luân-hồi trong lục-đạo. Bởi thế nên Phật nói:

«Tất cả pháp không Thật».

Nói «Tất cả pháp» tức là bao trùm cả loài hữu-tình và vô-tình. Loài hữu-tình không thật có là «Nhơn không thật». Loài vô-tình như hoàn-cảnh, sự vật không thật có, là «Pháp không thật».

KẾT LUẬN

Từ trước đến đây, lược nói 100 pháp thì đã bao-trùm Nhơn và Pháp. Phạm-phu chấp cả Nhơn và Pháp đều thật có. Tiểu-thừa chỉ chấp Pháp là thật có.

Trong luận này nói: 8 món tâm-vương là tự-thể của thức và hơn tất cả (nhứt thể tối thắng cồ). — 51 món tâm-sở là phần sở-

hữu và tương-ưng của thức (dữ thứ tương-ưng cồ). — 11 món sắc-pháp là phần hình bóng, do tâm - vương và tâm - sở hiện ra (nhị sở hiện ảnh cồ). — 24 món bát tương-ưng hành là do ba phần: tâm-vương, tâm-sở và sắc-pháp, phân chia ngôi thứ sai-khác mà giả lập (tam, phận-vị sai-biệt cồ). — 6 món vô-vi là do bốn món hữu-vi trên (tâm-vương, tâm-sở, sắc-pháp và bát-tương-ưng-hành) diệt hết mà hiện-bày ra, tức là thật-tánh của thức (tứ, sở hiện thị cồ).

Bởi thế nên biết: Người đời chấp «Nhơn thật có» và «Pháp thật có» đều không ngoài thức. Do đó mà đức Thế-tôn nói:

«Tất cả Pháp không thật» (vô ngã)

Và «Muôn Pháp duy-thức».

Viết xong tại Phật-Học-Đường Nam-Việt
Rằm tháng 6 năm Kỷ-hợi (1959).